TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 5 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chiên và bà Trần Thị Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Phú Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2. Ngân hàng C; địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Quang Ch, Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Đ chung sống với nhau từ ngày 26/11/1997 (âm lịch) nhưng không đăng ký kết hôn, trước khi chung sống anh chị được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới anh

chị sống chung cùng gia đình anh Đ được khoảng 4 tháng thì ra ở riêng. Quá trình anh chị chung sống, ban đầu tình cảm bình thường đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn xô sát, anh chị đã nhiều lần dàn xếp nhưng không thành, từ năm 2015 cho đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Trần Tiến A, sinh ngày 03/4/1999 và Trần Tiến D, sinh ngày 28/3/2011. Ly hôn, do cháu A đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu D hiện đang ở cùng chị, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Chị xác định anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị và anh Đ có vay của Ngân hàng C và bà Nguyễn Thị Ch. Ly hôn, chị xác định anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị Th trình bày là đúng, anh xác định tình cảm không còn, anh đồng ý ly hôn chị Th.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định anh chị có hai con chung như chị Th trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, cháu A đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Anh Đ thống nhất quan điểm chị Th, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh xác định anh chị có vay của Ngân hàng C và bà Nguyễn Thị Ch. Ly hôn, anh thống nhất quan điểm chị Th, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng C và bà Phạm Thị Ch: Xác định chị Th, anh Đ có vay nợ nhưng không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử đối một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết tài sản chung và vay nợ; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn Đ không phải là vợ chồng, công nhận sự thỏa thuận về giao nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Đ; anh Đ có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn Đ chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống cho đến nay anh chị chưa làm thủ tục gì để đăng ký kết hôn. Do đó, khẳng định chị Th và anh Đ đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 mà không đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "…Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"; "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh Đ đều xác định tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Đ là phù hợp quy định pháp luật.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Th và anh Đ đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Tiến A, sinh ngày 03/4/1999 và Trần Tiến D, sinh ngày 28/3/2011. Ly hôn, chị Th và anh Đ xác định cháu A đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án giao cháu D cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của chị Th và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu D nên cần được chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung và vay nợ: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vay nợ. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th và anh Đ thống nhất tự thỏa thuận và rút một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết tài sản chung và vay nợ. Xét thấy, việc rút của chị Th là hoàn toàn tự nguyện, mặt khác những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều không có yêu cầu độc lập nên cần được chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết tài sản chung và vay nợ là phù hợp.

Đối với chi phí xem xét thẩm định giá: Chị Th và anh Đ tự nguyện chi trả, không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản riêng, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết tài sản chung và vay nợ.

2. Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn Đ là vợ chồng.

3. Giao cho chị Phạm Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Tiến D, sinh ngày 28/3/2011, anh Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

4. Chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0002969, ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, hoàn trả lại cho chị Th 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã D, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu